



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH

QUÝ 1 NĂM 2023

Mục lục

01

NHỮNG CHỈ TIÊU NỔI BẬT TRONG QUÝ 1/2023

02

CHI TIẾT VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2023

03

CẬP NHẬT KINH TẾ VĨ MÔ VÀ NGÀNH NGÂN HÀNG

04

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2023 VÀ CÁC GIẢI PHÁP, SÁNG KIẾN

05

PHỤ LỤC

Mục lục

01

NHỮNG CHỈ TIÊU NỔI BẬT TRONG QUÝ 1/2023

02

CHI TIẾT VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2023

03

CẬP NHẬT KINH TẾ VĨ MÔ VÀ NGÀNH NGÂN HÀNG

04

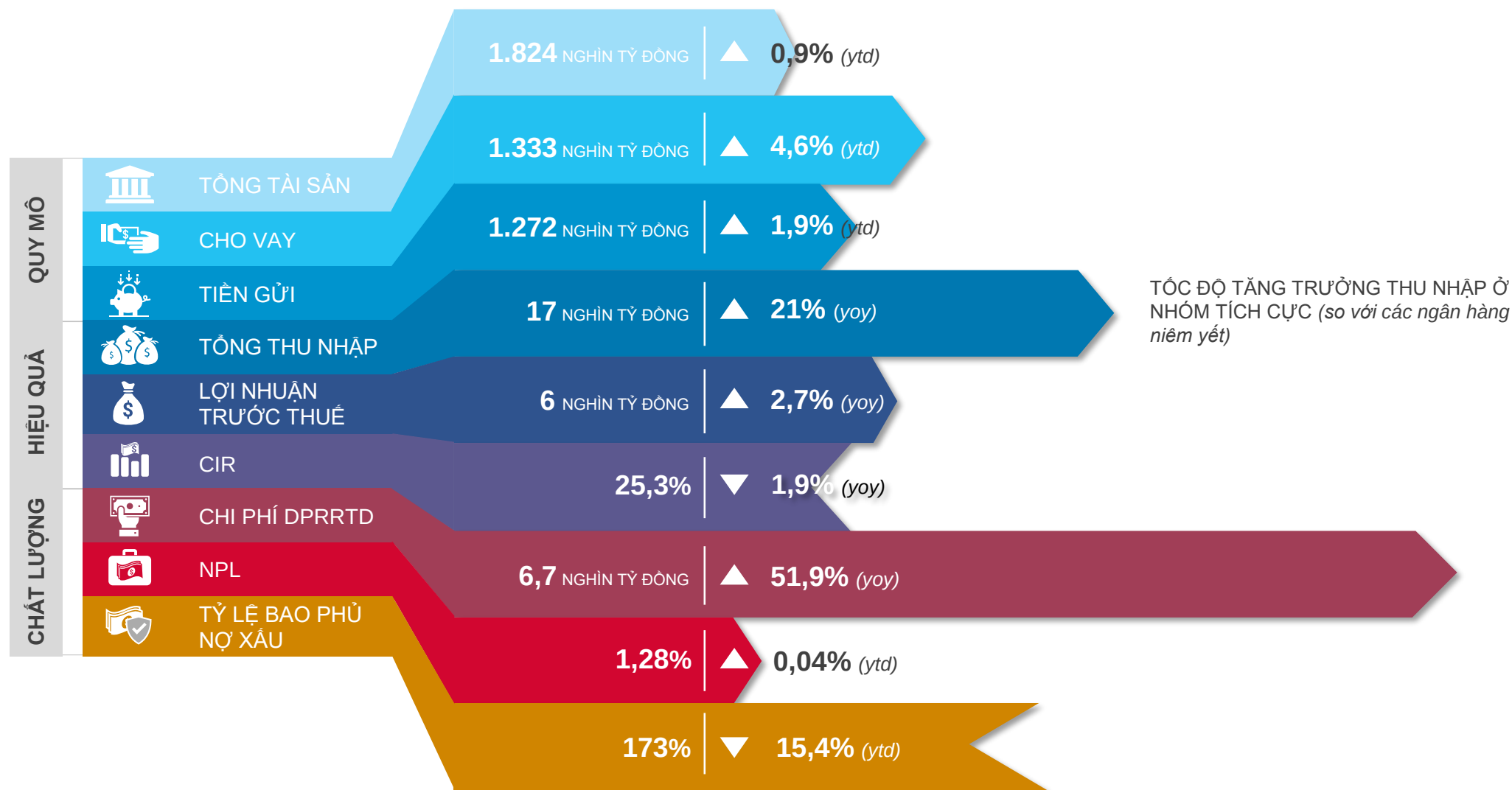
KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2023 VÀ CÁC GIẢI PHÁP, SÁNG KIẾN

05

PHỤ LỤC

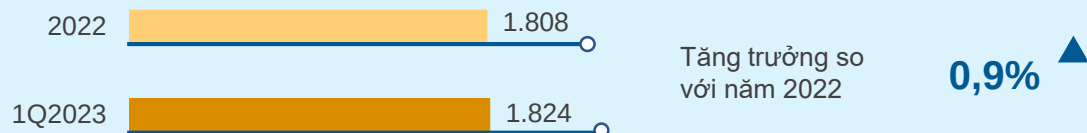


Hoạt động kinh doanh trong Quý 1/2023 đạt được những kết quả khả quan



Các chỉ tiêu quy mô chính tiếp tục tăng trưởng so với cuối năm 2022

TỔNG TÀI SẢN (Nghìn tỷ đồng)



TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TCTD KHÁC (Nghìn tỷ đồng)



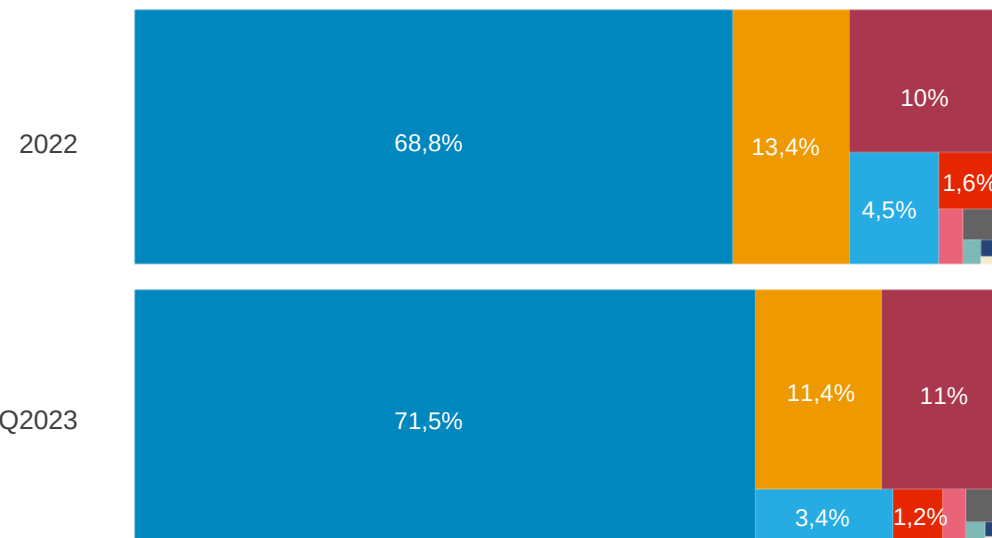
CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ (Nghìn tỷ đồng)



CHO VAY KHÁCH HÀNG (Nghìn tỷ đồng)



CƠ CẤU TỔNG TÀI SẢN (%)

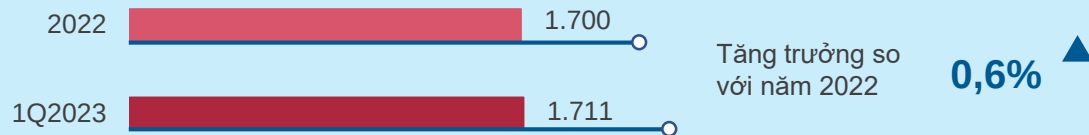


- Cho vay khách hàng
- Tiền gửi và cho vay các TCTD khác
- Chứng khoán đầu tư
- Chứng khoán kinh doanh
- Tiền mặt, vàng bạc, đá quý
- Tiền gửi tại NHNN
- Công cụ tài chính phái sinh
- Góp vốn, đầu tư dài hạn
- Tài sản cố định
- Tài sản có khác

Quy mô tổng tài sản tại ngày 31/03/2023 đạt **1.824 nghìn tỷ đồng (+0,9% ytd)**. Trong đó tăng chủ yếu ở khoản mục: Cho vay khách hàng **tăng 4,6% ytd**; Chứng khoán đầu tư **tăng 11,2% ytd** do tăng đầu tư CK nợ TCTD phát hành. Tiền gửi và cho vay các TCTD khác **giảm 14% ytd** do VietinBank chuyển đổi linh hoạt các kênh sử dụng vốn nhằm tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh.

Các chỉ tiêu quy mô chính tiếp tục tăng trưởng so với cuối năm 2022

TỔNG NỢ PHẢI TRẢ (Nghìn tỷ đồng)



CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NHNN (Nghìn tỷ đồng)



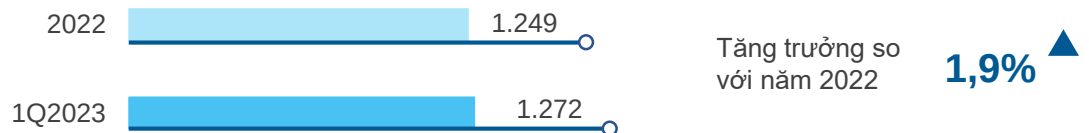
TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC (Nghìn tỷ đồng)



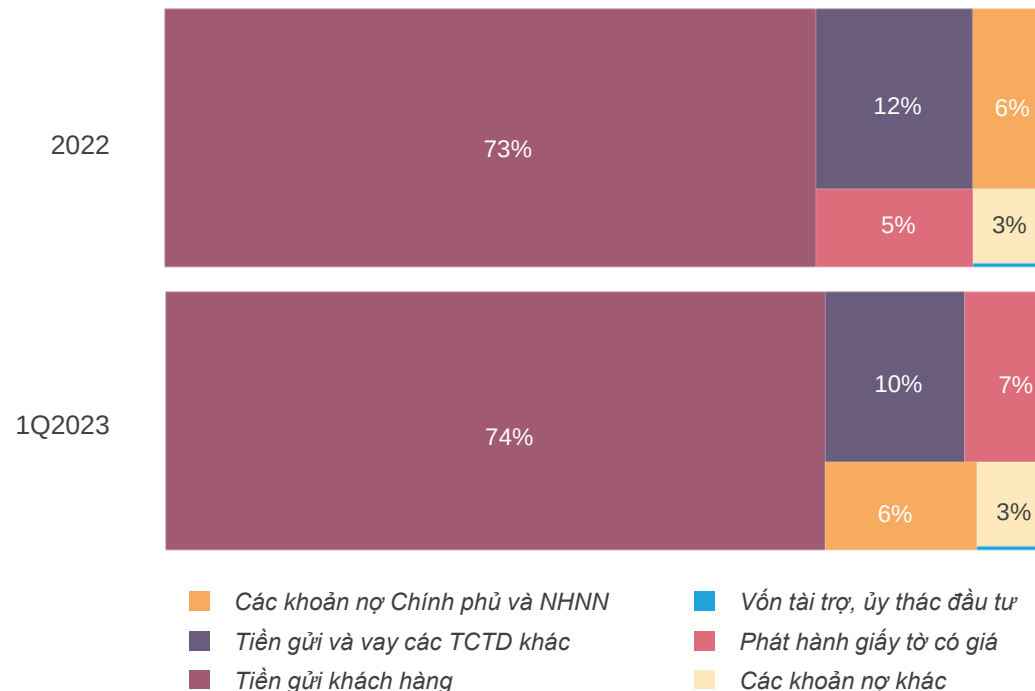
PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ (Nghìn tỷ đồng)



TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG (Nghìn tỷ đồng)



CƠ CẤU TỔNG NỢ PHẢI TRẢ (%)



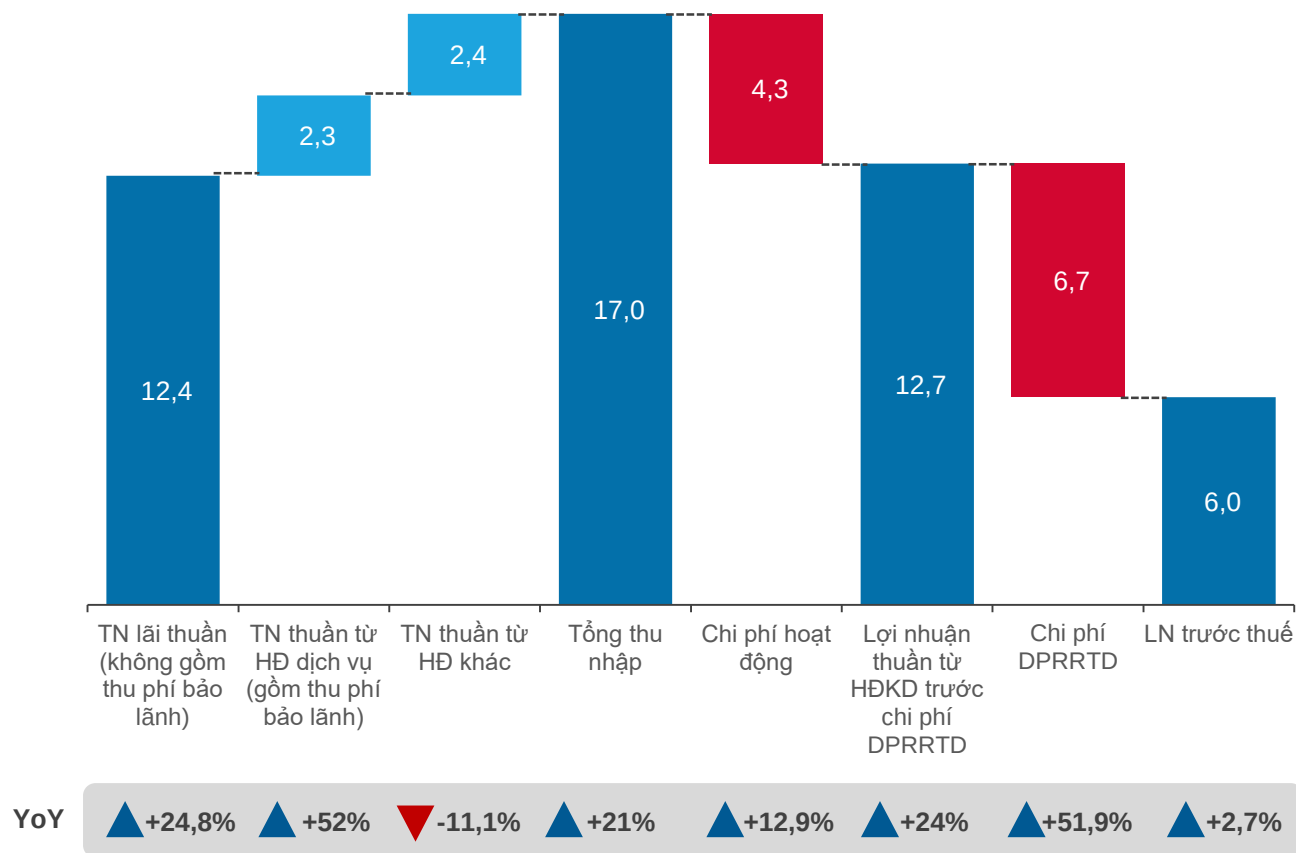
Cơ cấu nguồn vốn huy động tại 31/03/2023 đạt **1.711 nghìn tỷ đồng (+0,6% ytd)**. Trong đó: Các khoản nợ Chính phủ & NHNN và Tiền gửi & vay các TCTD khác giảm lần lượt **4,5% và 15,4% ytd** để phù hợp với nhu cầu thanh khoản và cân đối vốn của VietinBank; Phát hành giấy tờ có giá **tăng 22,1% ytd** để đa dạng hóa các kênh huy động và tối ưu hóa cấu trúc kỳ hạn của nguồn vốn.



Lợi nhuận tăng trưởng tốt nhờ các nguồn doanh thu lãi tốt

CẤU PHẦN LỢI NHUẬN 1Q2023

Đơn vị: Nghìn tỷ đồng



Tổng thu nhập hoạt động 1Q2023 đạt 17 nghìn tỷ đồng (+21% yoy). Trong đó đáng chú ý là: **(i)** thu nhập lãi thuần **tăng 24,8% yoy** nhờ việc cải thiện quy mô đi đôi với nâng cao hiệu quả sinh lời từ tái cấu trúc danh mục tín dụng và kiểm soát rủi ro; **(ii)** thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối tiếp tục **tăng trưởng mạnh +49,6% yoy** do VietinBank tiếp tục đa dạng hóa cấu trúc các sản phẩm ngoại hối, đẩy mạnh công tác phát triển khách hàng mới, tập trung vào phân khúc FDI, SME và bán lẻ.

Lãi thuần từ hoạt động khác 1Q2023 đạt hơn 1 nghìn tỷ đồng (-45,7% yoy) chủ yếu do tiến độ xử lý, thu hồi nợ XLRR của VietinBank bị ảnh hưởng trong bối cảnh nền kinh tế và thị trường bất động sản gặp nhiều khó khăn (thu hồi từ các khoản nợ đã xử lý đạt 642 tỷ đồng, -33,6% yoy).

Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí DPRRTD 1Q2023 đạt 12,7 nghìn tỷ đồng (+24% yoy). VietinBank chủ động dành nguồn lực trích lập DPRR theo đúng quy định nhằm gia tăng đệm dự phòng tài chính cho hoạt động của ngân hàng trong thời gian tới, chi phí DPRRTD 1Q2023 đạt 6,7 nghìn tỷ đồng (+51,9% yoy). Theo đó, lợi nhuận trước thuế 1Q2023 đạt 6 nghìn tỷ đồng, (+2,7% yoy).

Mục lục

01

NHỮNG CHỈ TIÊU NỔI BẬT TRONG QUÝ 1/2023

02

CHI TIẾT VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2023

03

CẬP NHẬT KINH TẾ VĨ MÔ VÀ NGÀNH NGÂN HÀNG

04

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2023 VÀ CÁC GIẢI PHÁP, SÁNG KIẾN

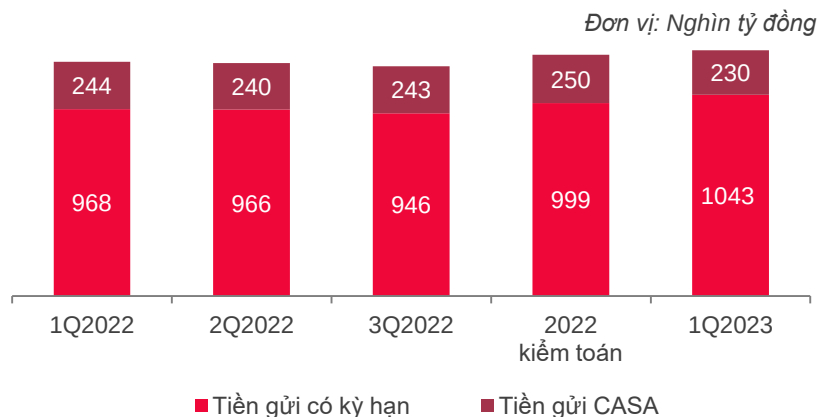
05

PHỤ LỤC

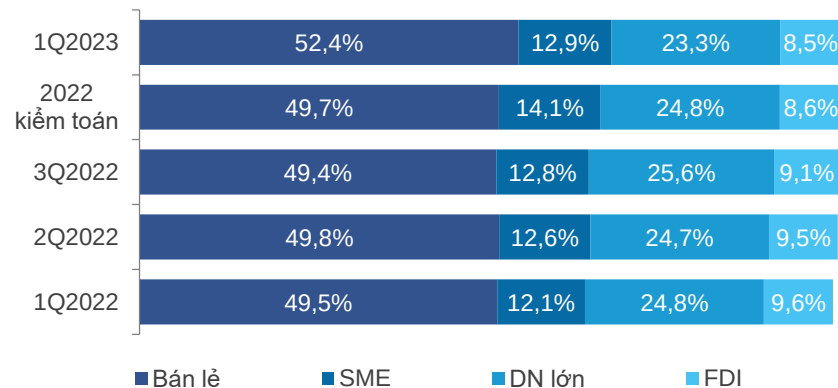


Nguồn vốn tiếp tục tăng trưởng, cơ cấu chuyển dịch tăng về phân khúc bán lẻ

TIỀN GỬI KHÁCH HÀNG THEO KỲ HẠN



TIỀN GỬI KHÁCH HÀNG THEO LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP



TIỀN GỬI KHÁCH HÀNG

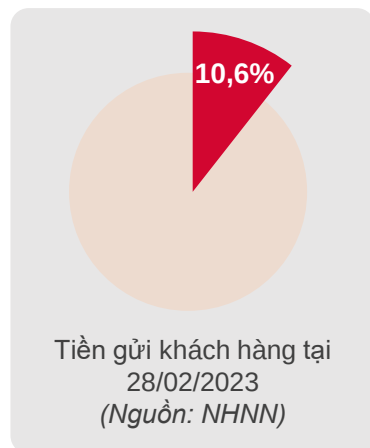
Tiền gửi CASA (*)

230 Nghìn tỷ đồng
▼ 8,1% ytd

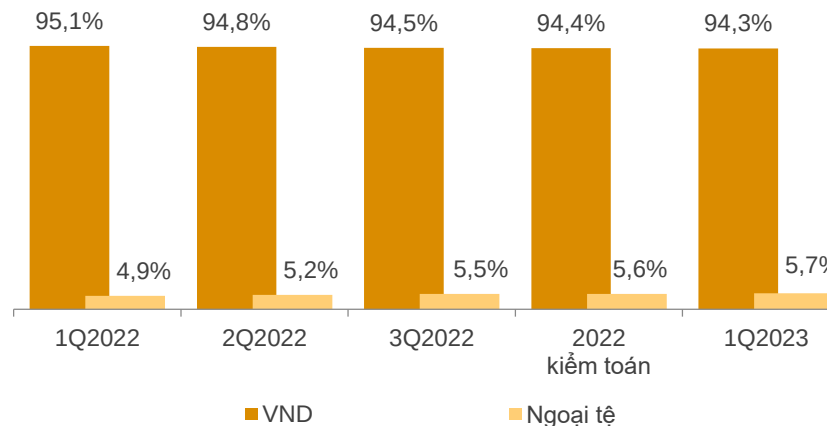
Tiền gửi có kỳ hạn

1.043 Nghìn tỷ đồng
▲ 4,4% ytd

THỊ PHẦN VIETINBANK



TIỀN GỬI KHÁCH HÀNG THEO ĐỒNG TIỀN



Tiền gửi khách hàng 1Q2023 tăng 1,9% ytd. Tăng trưởng nguồn vốn huy động thấp hơn tăng trưởng tín dụng do thị trường vĩ mô chưa có tín hiệu thuận lợi dẫn đến khách hàng ưu tiên sử dụng vốn tự có cho hoạt động sản xuất kinh doanh.



Tỷ trọng tiền gửi ở phân khúc Bán lẻ có sự tăng trưởng mạnh mẽ từ 49,7% năm 2022 lên 52,4% tại 1Q2023.

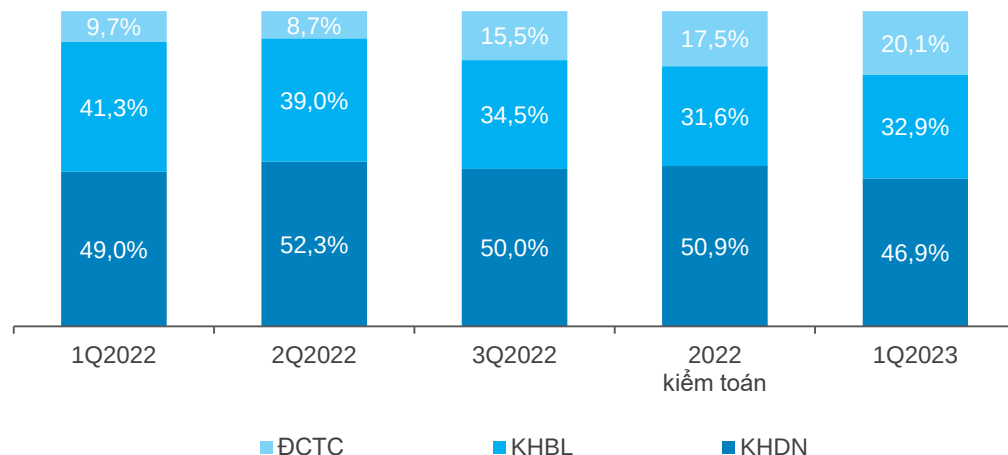


(*): Số liệu theo BCTC không bao gồm phân khúc ĐCTC.



Nguồn vốn CASA từ phân khúc bán lẻ và ĐCTC tăng

NGUỒN VỐN CASA THEO PHÂN KHÚC KHÁCH HÀNG (*)



(*): Từ Quý 1/2022, VietinBank thực hiện dịch chuyển khách hàng siêu vi mô từ phân khúc KHBL sang phân khúc KHDN; đồng thời theo dõi riêng phân khúc ĐCTC.

So với 31/12/2022, tỷ trọng nguồn vốn CASA của phân khúc KHDN giảm, trong khi đó nguồn vốn CASA của KH bán lẻ và ĐCTC tăng trong tổng nguồn vốn CASA.

GIẢI PHÁP TĂNG TRƯỞNG CASA NĂM 2023



Cải thiện mạnh mẽ sản phẩm, dịch vụ có hàm lượng công nghệ cao và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.



Triển khai hiệu quả chiến dịch thu hút khách hàng mới sử dụng eFAST và IPAY, mở tài khoản thông qua eKYC.

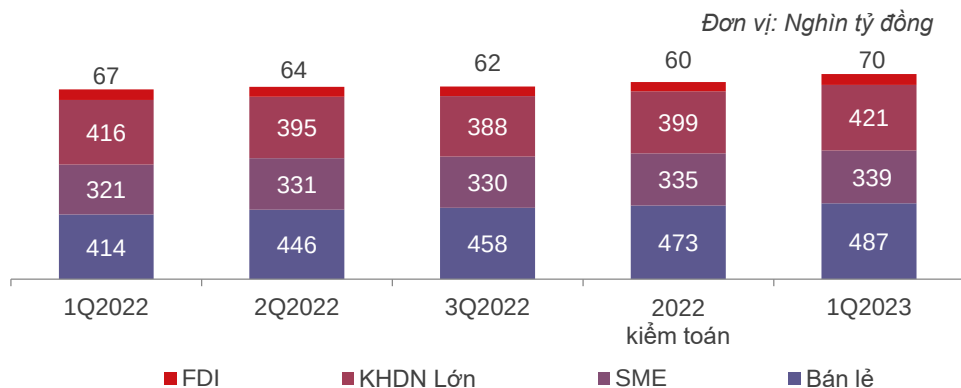


Triển khai các gói tài khoản miễn phí dịch vụ thúc đẩy công tác mở rộng phát triển khách hàng và gia tăng doanh số thanh toán qua hệ thống VietinBank.



Dư nợ cho vay tiếp tục tăng trưởng và cơ cấu tiếp tục chuyển dịch tích cực

CHO VAY THEO PHÂN KHÚC KHÁCH HÀNG (*)



DƯ NỢ 1Q2023

FDI

70 Nghìn tỷ đồng
▲ 16,7% ytd

KHDN Lớn

421 Nghìn tỷ đồng
▲ 5,7% ytd

SME

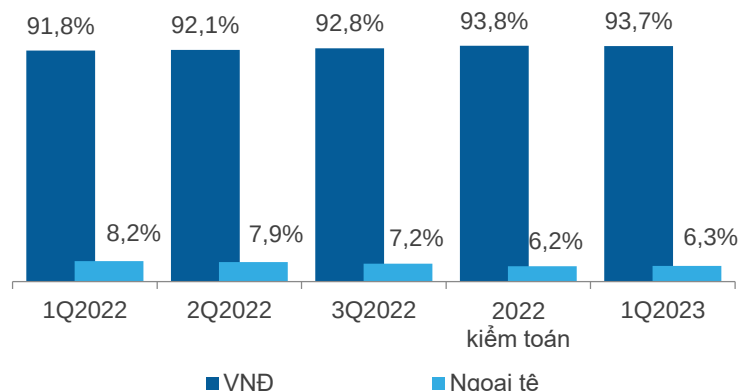
339 Nghìn tỷ đồng
▲ 1,3% ytd

Bán lẻ

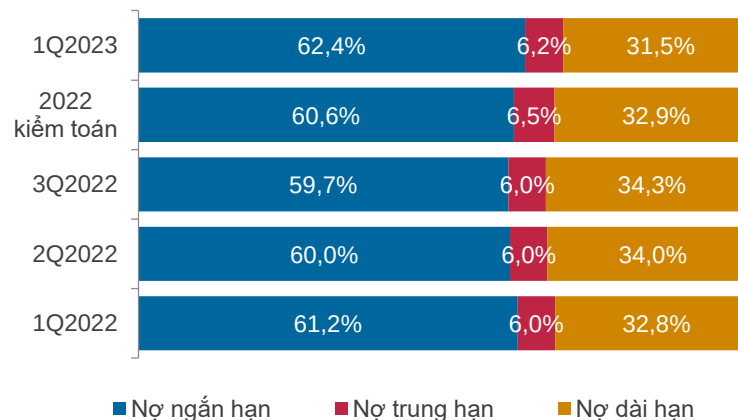
487 Nghìn tỷ đồng
▲ 3,1% ytd

(*): Từ Quý 1/2022, VietinBank thực hiện dịch chuyển khách hàng siêu vi mô từ phân khúc KHBL sang phân khúc KHDN

CHO VAY THEO ĐỒNG TIỀN



CHO VAY THEO KỲ HẠN



Dư nợ cho vay **tăng trưởng 4,6% ytd**. Tăng trưởng dư nợ cho vay 1Q2023 chủ yếu ở phân khúc KHDNL (tăng 16,7% ytd) và FDI (tăng 5,7% ytd).



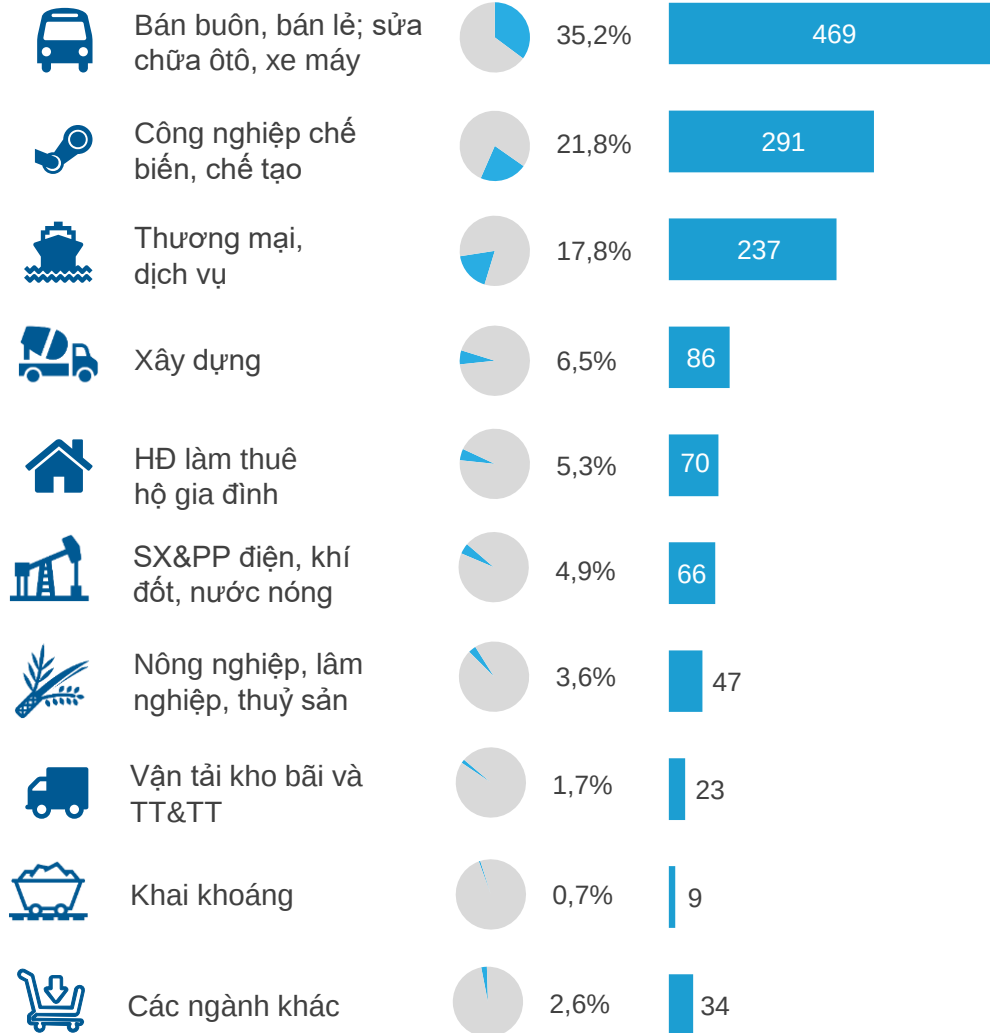
Tỷ trọng bán lẻ trong 1Q2023 giảm nhẹ (từ 37,1% năm 2022 xuống còn 36,6% tại 1Q2023) chủ yếu do trong 1Q2023 Chính phủ không thực hiện các chính sách kích cầu như năm 2022 và cho vay bất động sản không giải ngân được. Tuy nhiên, năm 2023, VietinBank vẫn định hướng tập trung tăng trưởng bán lẻ và SME, ưu tiên nguồn lực tăng trưởng đối với KHCN và SME, các ngành đang có tiềm năng tăng trưởng tốt như điện, viễn thông, thiết bị điện.....



Cho vay tăng trưởng tập trung ở những ngành nghề/lĩnh vực có tiềm năng phát triển

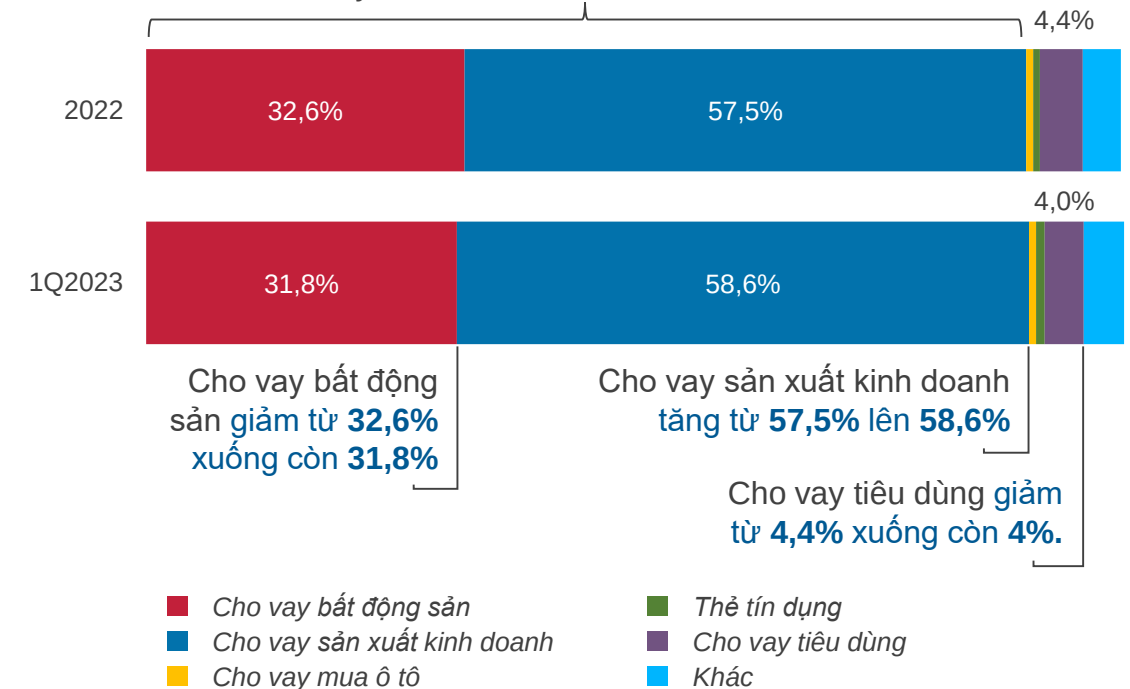
CHO VAY THEO NGÀNH NGHỀ (31/03/2023)

Đơn vị: Nghìn tỷ đồng



CHO VAY CÁ NHÂN THEO SẢN PHẨM

Cho vay cá nhân vẫn tập trung chủ yếu cho vay sản xuất kinh doanh và bất động sản với tỷ trọng **chiếm 90,4%** tổng dư nợ cho vay cá nhân.



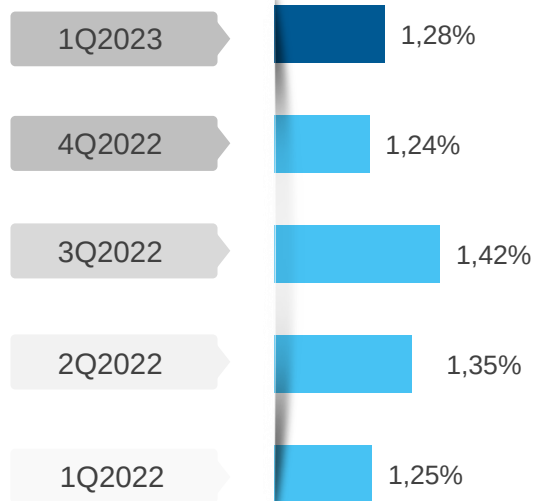
THỊ PHẦN CHO VAY ĐẾN 31/03/2023 (nguồn CIC)



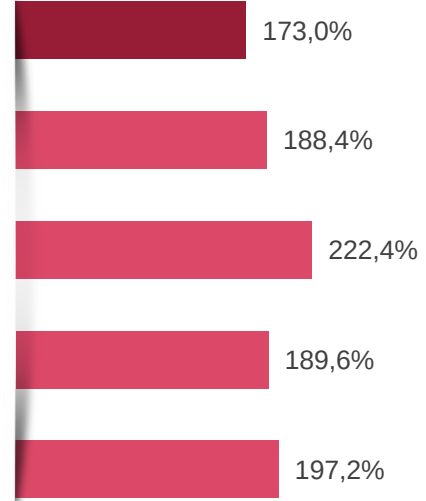


Chất lượng nợ được kiểm soát theo kế hoạch phê duyệt

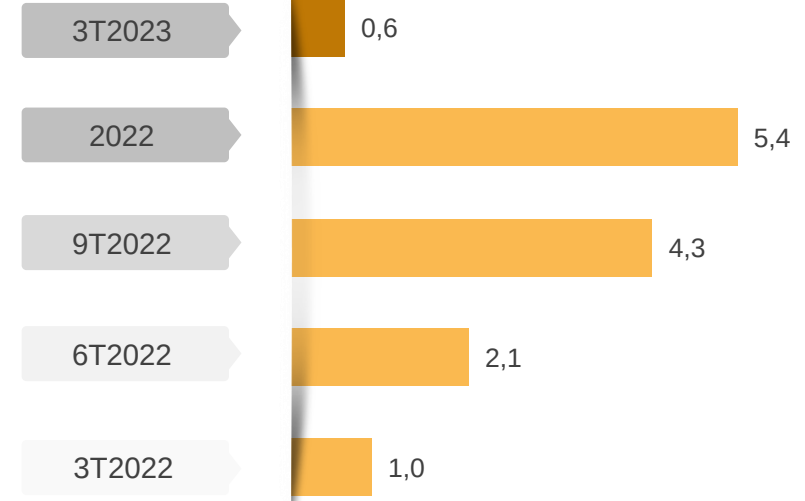
TỶ LỆ NỢ XẤU (%)



TỶ LỆ BAO PHỦ NỢ XẤU (%)

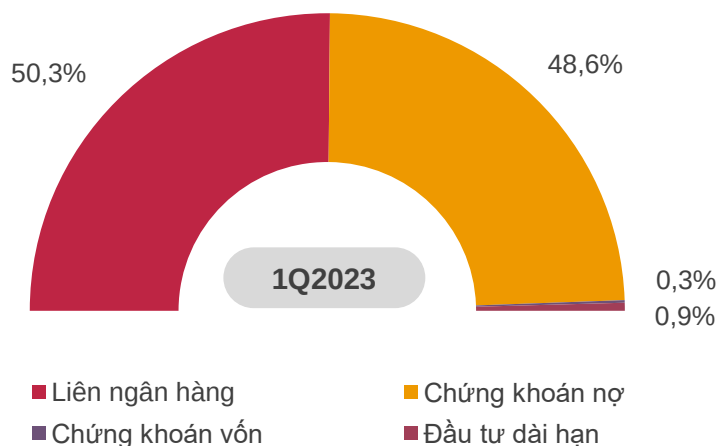
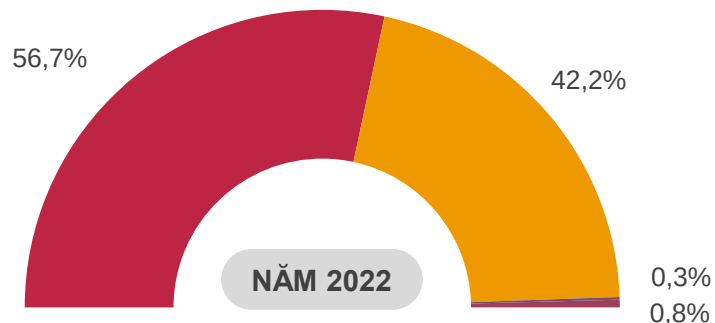


THU HỒI NỢ XẤU ĐÃ XLRR (Nghìn tỷ đồng)



- Trong 1Q2023, nền kinh tế Việt Nam đối mặt với nhiều khó khăn từ diễn biến chung của kinh tế thế giới (áp lực lạm phát, thị trường BĐS trầm lắng, áp lực nợ đến hạn thanh toán trái phiếu, xuất khẩu có xu hướng giảm tốc ...). Điều này đã tác động không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh và khả năng trả nợ của khách hàng, từ đó ảnh hưởng đến chất lượng nợ tại VietinBank. Tỷ lệ nợ xấu/dư nợ cho vay 1Q2023 ở mức 1,28%, tăng so với cuối năm 2022 và cùng kỳ năm trước. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng 1Q2023 là 6,7 nghìn tỷ đồng (+51,9% yoy). Tỷ lệ bao phủ nợ xấu 1Q2023 là 173%.
- Thu hồi từ các khoản nợ đã XLRR 1Q2023 đạt 642 tỷ đồng (-33,6% yoy) do tiến độ xử lý, thu hồi nợ XLRR của VietinBank bị ảnh hưởng trong bối cảnh nền kinh tế và thị trường bất động sản gặp nhiều khó khăn.
- Trong những tháng còn lại của năm 2023, VietinBank sẽ tiếp tục tăng cường công tác quản trị rủi ro và kiểm soát nợ xấu dưới 1,8%. Đồng thời, VietinBank định hướng tăng tỷ lệ bao phủ nợ xấu, nâng cao năng lực tài chính, khả năng chống chịu trước các rủi ro có thể có từ nền kinh tế.

CƠ CẤU DANH MỤC ĐẦU TƯ



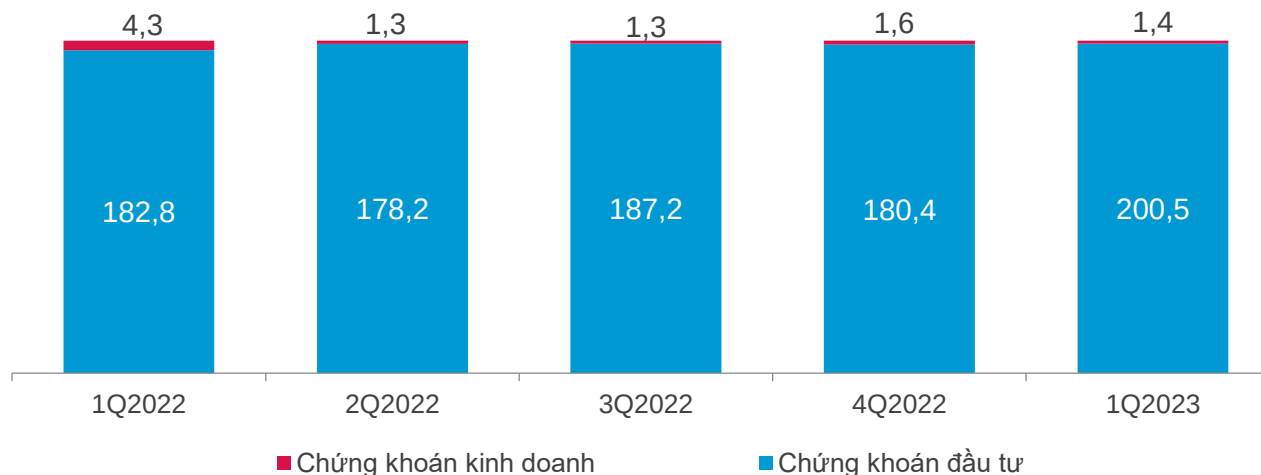
■ Liên ngân hàng
■ Chứng khoán vốn

■ Chứng khoán nợ
■ Đầu tư dài hạn

Ghi chú: Danh mục đầu tư không bao gồm dự phòng rủi ro

DANH MỤC ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

Đơn vị: Nghìn tỷ đồng

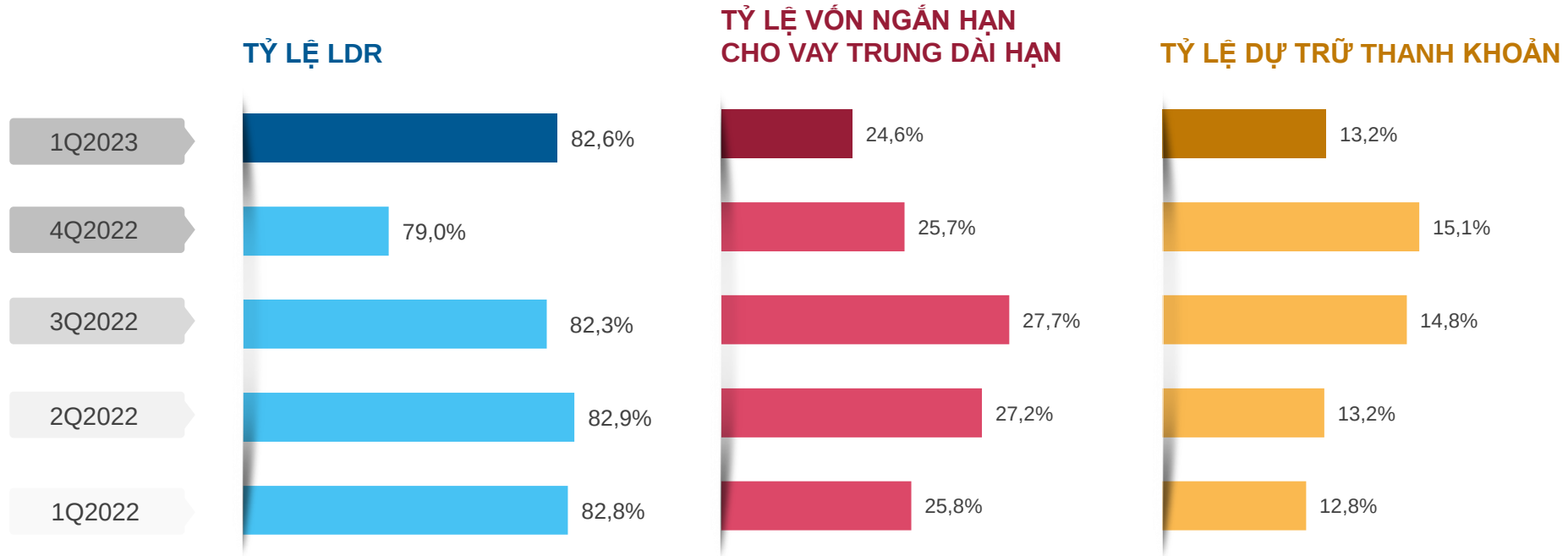


Danh mục đầu tư tại thời điểm 31/03/2023 đạt 413 nghìn tỷ đồng (-3,6% ytd). Trong đó:

- Danh mục chứng khoán đầu tư tại thời điểm 31/03/2023 đạt hơn 200 nghìn tỷ đồng, tăng 11,2% ytd chủ yếu do tăng đầu tư chứng khoán nợ TCTD phát hành.
- Danh mục chứng khoán kinh doanh tại thời điểm 31/03/2023 đạt 1,4 nghìn tỷ đồng, giảm 15,7% ytd do VietinBank đã chủ động duy trì trạng thái kinh doanh ở mức thận trọng để đảm bảo an toàn từ hoạt động kinh doanh trong bối cảnh lợi suất từ thị trường TPCP Mỹ tăng mạnh.



Thanh khoản tiếp tục được duy trì ổn định



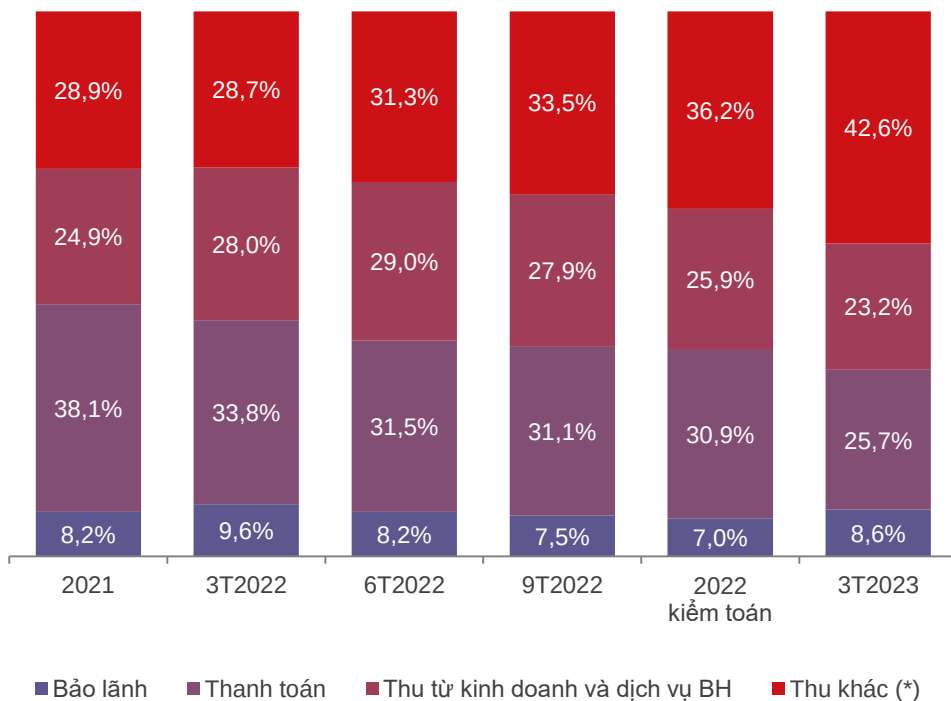
-  Các tỷ lệ thanh khoản của VietinBank tiếp tục kiểm soát tốt ở mức an toàn và đảm bảo tuân thủ theo quy định của NHNN. So với cuối năm 2022, tỷ lệ LDR của VietinBank tăng 3,6 điểm % do tiền gửi khách hàng tăng chậm hơn so với dư nợ cho vay khách hàng.
-  Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn của VietinBank thấp hơn nhiều so với mức quy định của NHNN cho thấy VietinBank còn khá nhiều dư địa để thúc đẩy tăng trưởng cho vay trung dài hạn, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
-  Tỷ lệ dự trữ thanh khoản của VietinBank luôn duy trì ở mức an toàn và đảm bảo tuân thủ theo quy định của NHNN.

Ghi chú: Từ Quý 4/2022, tỷ lệ LDR được tính toán theo quy định tại Thông tư 26 của NHNN.



Cơ cấu thu phí có sự chuyển dịch tích cực

CƠ CẤU CÁC KHOẢN DOANH THU PHÍ DỊCH VỤ



(*): Thu khác trong Doanh thu phí dịch vụ bao gồm: phí hoa hồng thu từ hợp tác bán bảo hiểm nhân thọ với Manulife, thu từ nghiệp vụ ủy thác và đại lý, thu phí theo LC xuất nhập khẩu....

Thu thuần từ hoạt động dịch vụ (gồm thu phí bảo lãnh) 1Q2023 đạt gần 2,3 nghìn tỷ đồng (+52% yoy) do VietinBank triển khai thúc đẩy bán, khai thác mở rộng cơ sở khách hàng đi đôi với nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng đa dạng, toàn diện các nhu cầu dịch vụ tài chính của khách hàng. Trong đó, thu phí từ bảo lãnh tăng 55,7% yoy; thu phí từ hoạt động khác tăng 30,9% yoy.

THỊ PHẦN



16,2%

Thanh toán XNK tại 1Q2023



11-13%

Kinh doanh ngoại tệ trên TT2 tại 1Q2023



13-14,5%

Kinh doanh ngoại tệ trên TT1 tại 1Q2023



13,8%

Doanh số thanh toán thẻ VietinBank năm 2022



Kiểm soát chi phí hợp lý

Các khoản chi phí hoạt động

1Q2023

So với 1Q2022

Nghìn tỷ đồng



Chi phí nhân viên

2,8

▲ 11,8%



Chi phí tài sản

0,5

▲ 10,1%



Chi phí QL công cụ

0,9

▲ 18,9%

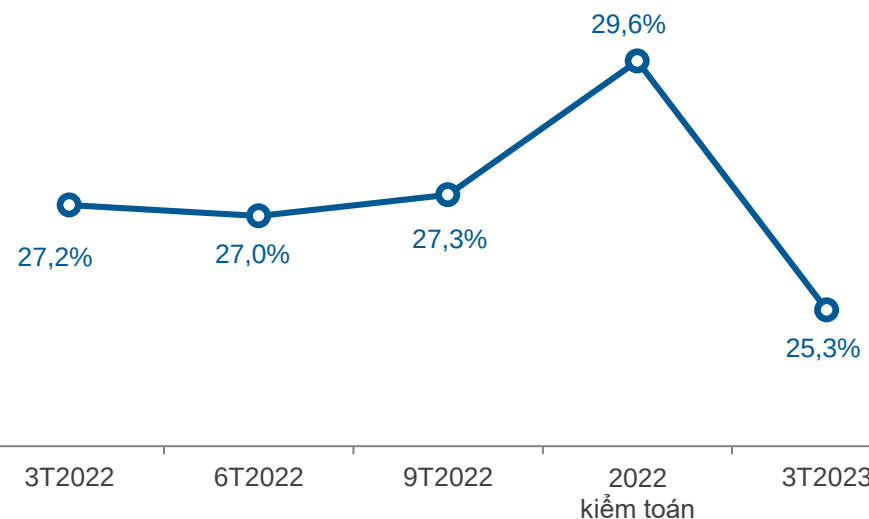


Chi phí khác

0,2

▲ 11,0%

TỶ LỆ CIR LŨY KẾ

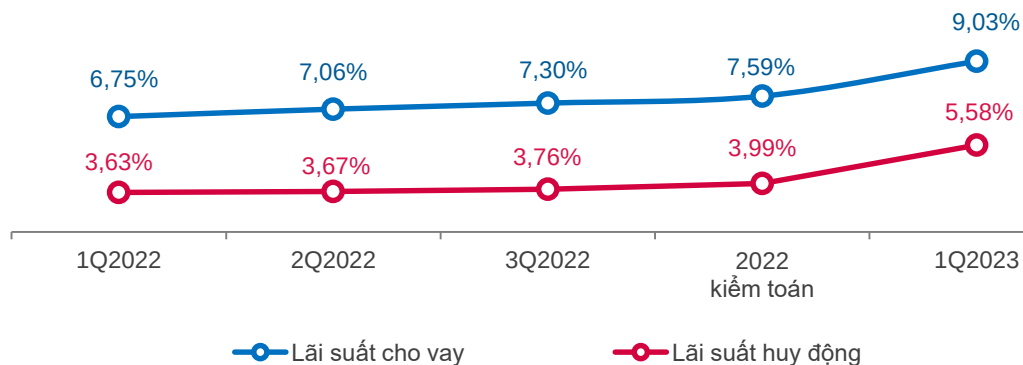


Trong giai đoạn nền kinh tế biến động và khó khăn như hiện nay, VietinBank đã thực hành tiết kiệm, ưu tiên nguồn lực cho các hoạt động chuyển đổi số, hỗ trợ trực tiếp hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó, trong 1Q2023, tổng thu nhập hoạt động của VietinBank tiếp tục được cải thiện, đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn tốc độ tăng trưởng của chi phí hoạt động. Theo đó, tỷ lệ CIR của VietinBank 1Q2023 đạt 25,3%, thấp hơn so với mức 27,2% của 1Q2022.



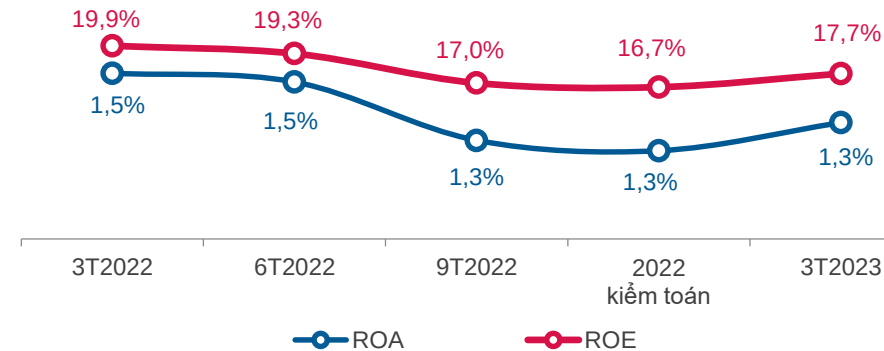
Các chỉ tiêu hiệu quả tiếp tục cải thiện

LÃI SUẤT CHO VAY VÀ HUY ĐỘNG



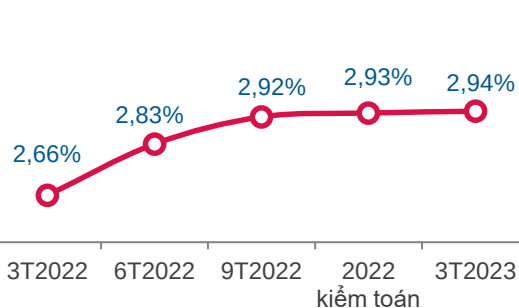
Thanh khoản hệ thống ngân hàng ổn định trong 1Q2023.

ROA, ROE

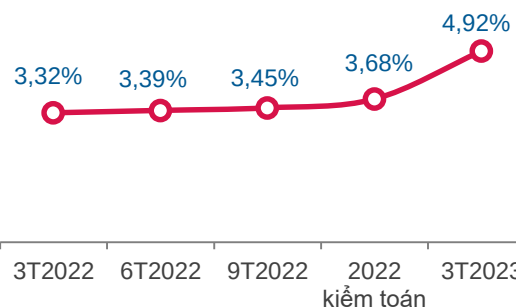


ROA, ROE của VietinBank tại 1Q2023 tiếp tục cải thiện so với cuối năm 2022, lần lượt đạt 1,3% và 17,7%.

NIM



COF



- NIM của VietinBank 3T2023 đạt 2,94%, tiếp tục cải thiện so với cuối năm 2022 và cùng kỳ năm trước.
- Tỷ lệ COF 3T2023 là 4,92%, tăng 1,24 điểm % so với cuối năm 2022, theo xu hướng tăng mạnh của mặt bằng lãi suất huy động.

CÁC BIỆN PHÁP CẢI THIỆN NIM

- Tăng hiệu suất sinh lời của tài sản thông qua tăng tỷ trọng cho vay đối với tập khách hàng mang lại hiệu quả cao trong cơ cấu dư nợ tín dụng như SME, Bán lẻ.
- Phát huy lợi thế hệ sinh thái tài chính giữa các chi nhánh và các Công ty con của VietinBank.
- Kiểm soát chi phí vốn thông qua công tác thu hút, gia tăng tỷ trọng tiền gửi thanh toán, tiền gửi có kỳ hạn ngắn ngày; thực hiện các hợp đồng vay vốn quốc tế để hỗ trợ cân đối với chi phí hợp lý.
- Kiểm soát tốt chất lượng tài sản, nhận diện sớm rủi ro, tăng cường kiểm soát nợ xấu, nợ có vấn đề và thu hồi nợ xấu, nợ XLRR.



Đẩy mạnh các giải pháp phát triển phân khúc bán lẻ, nâng cao cạnh tranh, thị phần



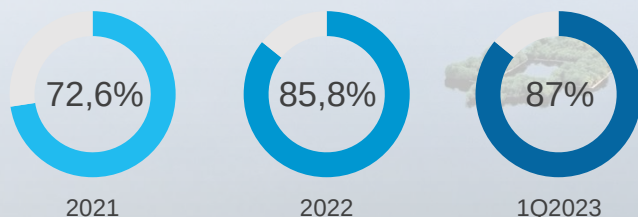
Hơn **150** tính năng, tiện ích được tích hợp trong VietinBank iPay, giúp người dùng tận hưởng cuộc sống trọn vẹn, tối ưu nhất theo tiêu chí “All in one”.



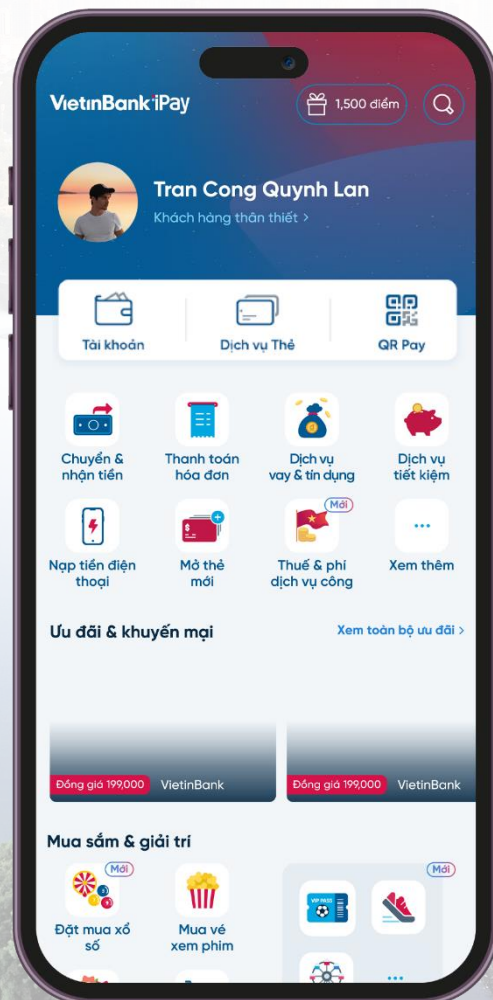
Hơn **2.000** nhà cung cấp đã kết nối, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của khách hàng “Vận tính năng, trăm tiện ích”.



TỶ TRỌNG GIAO DỊCH QUA iPAY SO VỚI TỔNG GIAO DỊCH KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN



Đến 1Q2023, gần **90%** giao dịch của KHCN được thực hiện qua Ipay, tăng 14,4% so với năm 2021.



SỐ LƯỢNG KHÁCH HÀNG SỬ DỤNG iPAY

Đơn vị: Triệu khách hàng



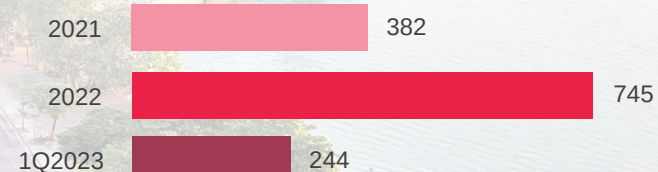
33,6%

So với cùng kỳ năm 2022



SỐ LƯỢNG GIAO DỊCH QUA KÊNH iPAY

Đơn vị: Triệu giao dịch



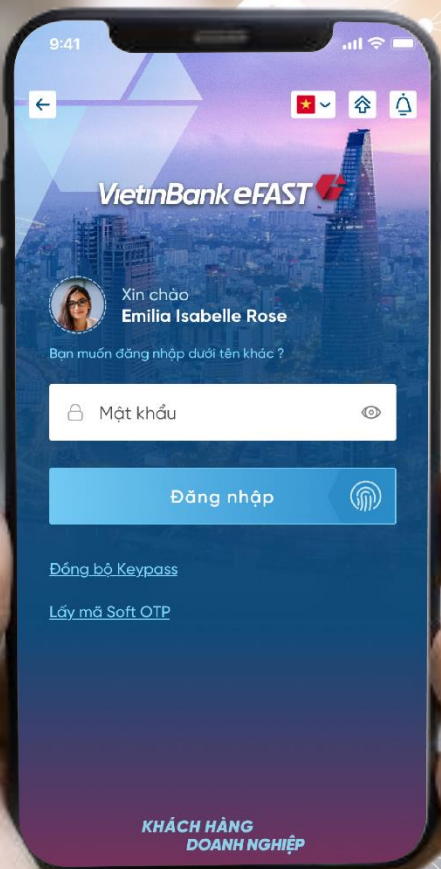
76,6%

So với cùng kỳ năm 2022

Tính đến 31/03/2023, VietinBank đang có khoảng 6,7 triệu khách hàng cá nhân sử dụng Ipay, tăng 33,6% so với cùng kỳ năm 2022; đạt 244 triệu giao dịch, tăng 76,6% so với cùng kỳ năm 2022.



VietinBank đi đầu trong ứng dụng ngân hàng số dành cho khách hàng tổ chức



SỐ LƯỢNG KH TỔ CHỨC SỬ DỤNG eFAST

Đơn vị: Nghìn khách hàng

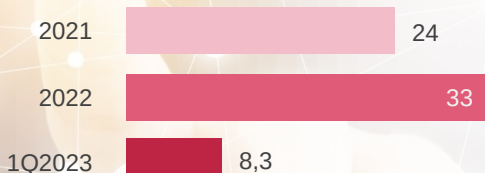


20,8%
So với cùng kỳ năm 2022



SỐ LƯỢNG GIAO DỊCH QUA KÊNH eFAST

Đơn vị: Triệu giao dịch

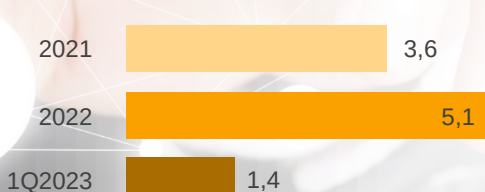


6,7%
So với cùng kỳ năm 2022



GIÁ TRỊ GIAO DỊCH QUA KÊNH eFAST

Đơn vị: Triệu tỷ đồng



18,2%
So với cùng kỳ năm 2022

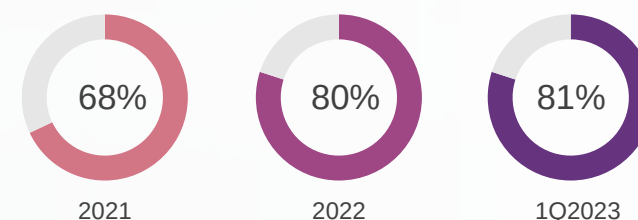
Năm 2022, VietinBank chính thức ra mắt nền tảng Ngân hàng số VietinBank eFAST, nâng cấp **81** tính năng hiện hữu và phát triển **55** tính năng tiện ích mới.

eFAST là ứng dụng chuyên nghiệp, thấu hiểu, tận tâm, thân thiện và toàn toàn miễn phí dành cho doanh nghiệp.

VietinBank eFAST là đại diện duy nhất của Việt Nam đạt giải thưởng “**Ngân hàng số sáng tạo nhất Châu Á Thái Bình Dương**” do Asian Banker tặng.



TỶ LỆ GIAO DỊCH QUA KÊNH SỐ CỦA KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC



Tỷ lệ chuyển dịch kênh số của khách hàng tổ chức đạt **81%** so với tổng giao dịch, tăng 13% so với năm 2021.



**NHÓM CHỈ TIÊU
QUY MÔ**

Trong 1Q2023, VietinBank có tốc độ **tăng trưởng tín dụng đạt 4,6%**, cao hơn tốc độ tăng trưởng tín dụng toàn ngành (2,06%), trong đó tập trung tăng trưởng có định hướng và chọn lọc vào hoạt động sản xuất kinh doanh. **Tiền gửi khách hàng của VietinBank tăng 1,9% ytd**, trong đó phân khúc khách hàng bán lẻ đóng góp nhiều nhất vào tăng trưởng tiền gửi. Trong bối cảnh nguồn vốn CASA cả thị trường sụt giảm trong 1Q2023, VietinBank nằm trong nhóm ngân hàng có mức giảm CASA thấp nhất.



**NHÓM CHỈ TIÊU
CHẤT LƯỢNG**

Tỷ lệ nợ xấu của VietinBank được duy trì và kiểm soát tốt ở mức **1,28%**. VietinBank tiếp tục chủ động dành nguồn lực tài chính trích lập dự phòng rủi ro theo đúng quy định nhằm gia tăng đệm dự phòng cho hoạt động của ngân hàng trong thời gian tới. Chi phí dự phòng 1Q2023 **tăng 51,9% yoy**; tỷ lệ bao phủ nợ xấu là **173%**.



**NHÓM CHỈ TIÊU
HIỆU QUẢ**

Tổng thu nhập của VietinBank tăng 21% yoy, ở mức tích cực (so với các ngân hàng đang niêm yết), động lực đến từ tăng thu lãi thuần (tăng 24,8% yoy) và lãi thuần từ hoạt động dịch vụ.

Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ (gồm thu phí bảo lãnh) đạt gần 2,3 nghìn tỷ đồng, **tăng mạnh 52% yoy, là ngân hàng có lãi thuần từ hoạt động dịch vụ cao nhất ngành ngân hàng trong 1Q2023**.

NIM vẫn duy trì ở mức tương đương năm 2022 trong bối cảnh nhiều ngân hàng sụt giảm do chi phí vốn tăng nhanh hơn mức tăng tỷ suất sinh lời của tài sản. **Tỷ lệ CIR được kiểm soát tốt và nằm trong nhóm thấp nhất so với ngành**.

Mục lục

01

NHỮNG CHỈ TIÊU NỔI BẬT TRONG QUÝ 1/2023

02

CHI TIẾT VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2023

03

CẬP NHẬT KINH TẾ VĨ MÔ VÀ NGÀNH NGÂN HÀNG

04

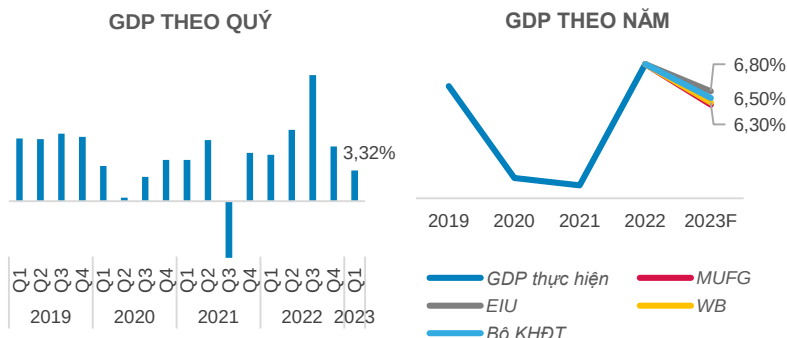
KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2023 VÀ CÁC GIẢI PHÁP, SÁNG KIẾN

05

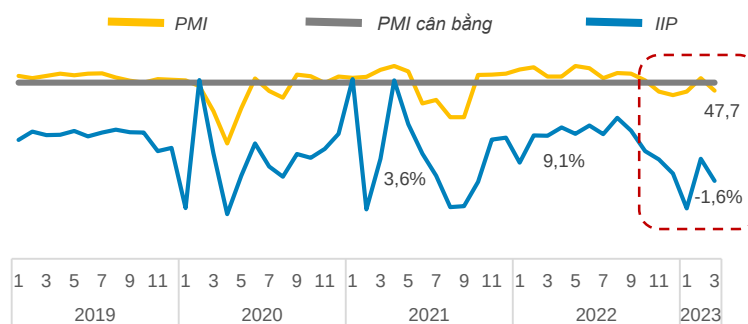
PHỤ LỤC

Tăng trưởng 1Q2023 đạt 3,32% - thấp hơn so với dự kiến do ảnh hưởng của kinh tế thế giới

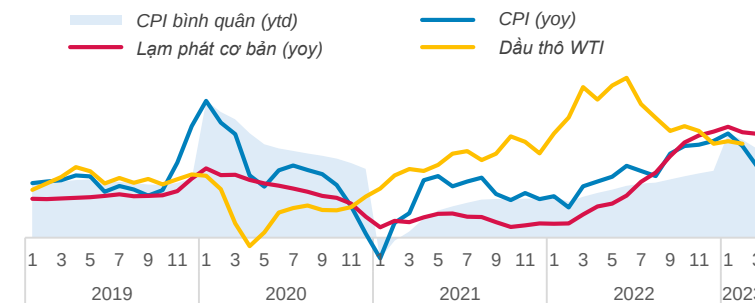
TĂNG TRƯỞNG GDP



CHỈ SỐ PMI VÀ IIP



CPI VÀ GIÁ DẦU THẾ GIỚI



Động lực tăng trưởng 1Q2023 chủ yếu đến từ tiêu dùng trong nước, Chính phủ lựa chọn kịch bản tăng trưởng GDP 2023 là 6,5%.

Bán lẻ hàng hóa dịch vụ tăng trưởng chậm (+13,44% so với cùng kỳ, tăng 10,3% sau khi loại yếu tố giá) và kỳ vọng sẽ tăng vào 2Q2023 từ sự hồi phục của Trung Quốc.

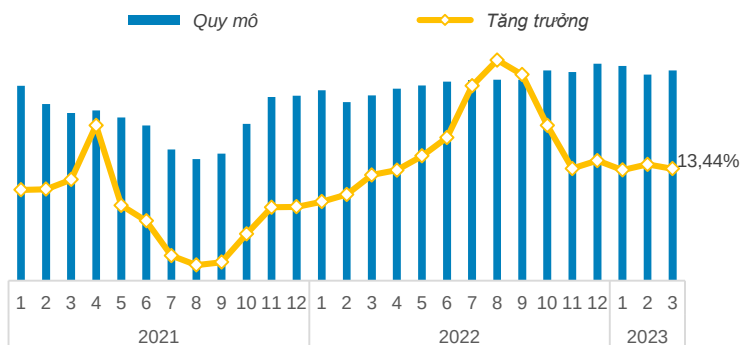
Chỉ số IIP và PMI vẫn trong xu hướng giảm từ tháng 8/2022 đến nay khi nhiều DN bị giảm đơn hàng xuất khẩu.

Cán cân thương mại 1Q2023 thặng dư 10,49 tỷ USD. Tăng trưởng xuất nhập khẩu chậm lại (-11,8% so với cùng kỳ), chủ yếu do thủy sản (-27%), điện thoại linh kiện (-12,2%). Nhập khẩu cũng giảm mạnh (-15,36% so với cùng kỳ) ở các mặt hàng nguyên vật liệu phục vụ cho xuất khẩu.

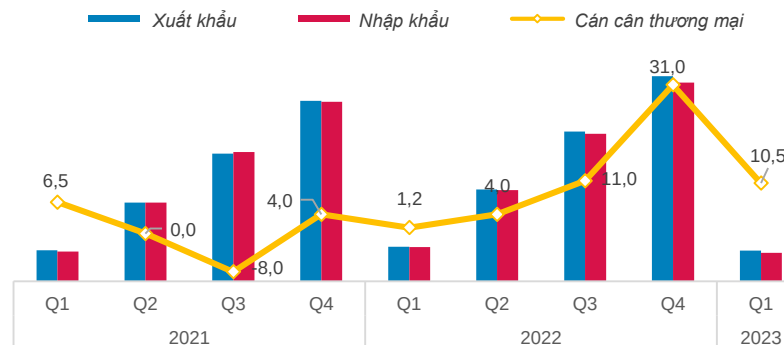
Chỉ số giá 12 tháng tổng thể giảm mạnh từ 4,8% tháng 1/2023 đến 3,35% tháng 3/2023, giúp CPI bình quân giảm xuống 4,18%. Tuy nhiên, lạm phát cơ bản vẫn ở mức cao hơn lạm phát tổng thể, gây áp lực lên mục tiêu ổn định tiền tệ, kiểm soát lạm phát 2023.

FDI đăng ký đạt 5,45 tỷ USD (-38,8% yoy), do sụt giảm trong ngành chế biến chế tạo và BĐS. FDI giải ngân chỉ đạt 4,3 tỷ USD (-2,2%). Vốn đầu tư công đạt 10,35% kế hoạch TTCP giao, thấp hơn so với cùng kỳ 2022 (11,88% kế hoạch).

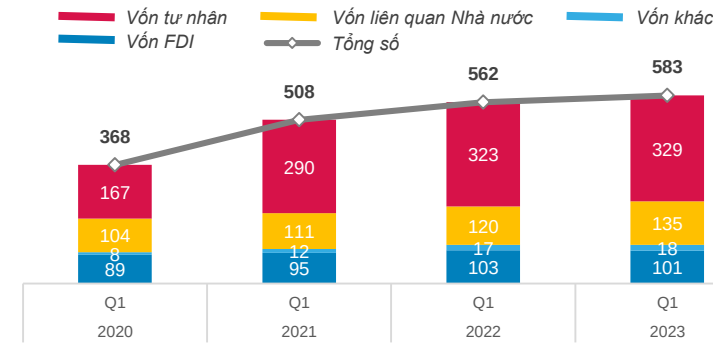
BÁN LẺ HÀNG HÓA DỊCH VỤ



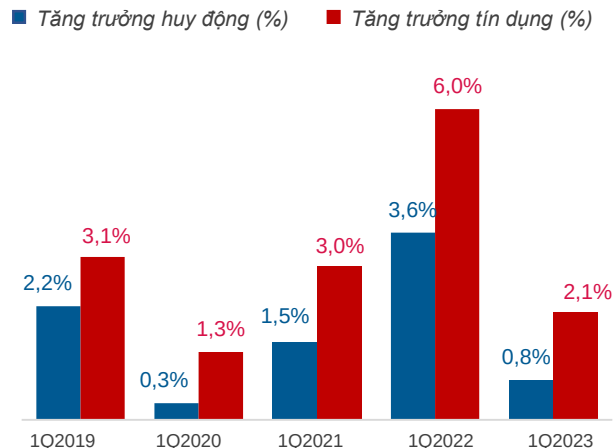
XUẤT NHẬP KHẨU VÀ CCTM



VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN



TÍN DỤNG VÀ NGUỒN VỐN

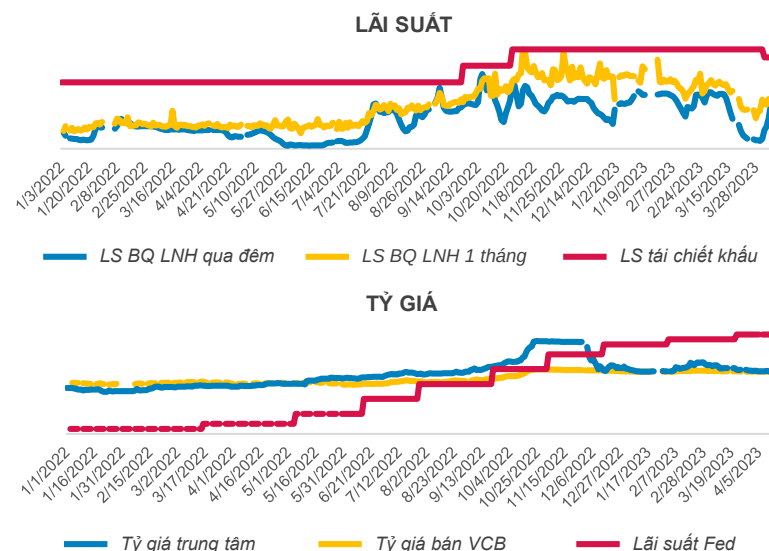


Nguồn: SBV

- Tín dụng 1Q2023 tăng trưởng thấp (2,06% so với đầu năm và 9,96% so với cùng kỳ) tập trung vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh và lĩnh vực ưu tiên. Tín dụng với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro được kiểm soát.
- Tốc độ tăng trưởng huy động cũng ở mức thấp (0,77% so với đầu năm). Thanh khoản thị trường tiền tệ dồi dào.
- Tỷ lệ nợ xấu nội bảng được kiểm soát ở mức 1,92% cuối năm 2022 (năm 2021: 1,49%). Tuy nhiên vẫn có nguy cơ nợ xấu tăng trong năm 2023 cục bộ tại một số ngân hàng có chất lượng tài sản thấp.

DIỄN BIẾN LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG

- Chính sách tiền tệ của Mỹ giảm cường độ thắt chặt khi chỉ tăng 0,25% vào ngày 23/3/2023 lên mức 5%. Tổng mức tăng lãi suất của FED trong chu kỳ thắt chặt là 4,75% - cao nhất trong lịch sử.
- Lạm phát EU cao kỷ lục trong tháng 2/2023. ECB tăng lãi suất lên 3% vào ngày 16/3/2023 và dự kiến tiếp tục chu kỳ tăng.
- NHNN giảm 1% đối với lãi suất tái chiết khấu và lãi suất cho vay qua đêm, giảm 0,5% đối với lãi suất tái cấp vốn, lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa...
- Cán cân thương mại Việt Nam thặng dư ~4 tỷ USD, cùng với chỉ số DXY giảm hỗ trợ tỷ giá USD/VND ổn định ở mức 23.464. Từ tháng 12/2022 đến nay, việc FED tăng lãi suất đã không còn tác động lớn đến tỷ giá USD/VND.
- Thanh khoản thị trường tiền tệ ở mức dồi dào sau khi NHNN giảm lãi suất điều hành....



XU HƯỚNG VÀ NHẬN ĐỊNH

- Fed giảm tốc độ tăng lãi suất, có thể chỉ tăng thêm 0,25% vào kỳ họp tháng 5 tới.** Lãi suất cực đại của chu kỳ thắt chặt dự báo trong khoảng 5 - 5,25%, và dự kiến sẽ kết thúc chu kỳ tăng lãi suất vào tháng 7/2023.
- NHNN định hướng tăng trưởng tín dụng năm 2023 khoảng 14-15%,** phù hợp với diễn biến và tình hình thực tế, vừa ổn định tiền tệ vừa hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.
- Những thách thức từ bên ngoài:** (i) Tác động của chính sách tiền tệ thắt chặt tại Mỹ và EU gây ra khủng hoảng đối với hệ thống tài chính ngân hàng, ảnh hưởng tiêu cực tới nền kinh tế toàn cầu nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng; (ii) Trung Quốc dự báo hồi phục hoàn toàn vào 2Q2023, áp lực tăng lên giá dầu và các hàng hóa khác;
- Những thách thức từ bên trong:** (i) Thanh khoản nền kinh tế gặp khó khăn cục bộ tại khu vực bất động sản; (ii) Thị trường trái phiếu doanh nghiệp đã được tháo gỡ một phần nhưng việc phát hành vẫn sụt giảm lớn, doanh nghiệp đối mặt với khó khăn huy động vốn.

QUY ĐỊNH CÓ HIỆU LỰC NĂM 2023 ẢNH HƯỞNG ĐẾN HỆ THỐNG NGÂN HÀNG:

- Thông tư số 02/2023/TT-NHNN ngày 23/4/2023 quy định về việc TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng.
- Thông tư số 03/2023/TT-NHNN ngày 23/4/2023 quy định ngưng hiệu lực thi hành Khoản 11 Điều 4 Thông tư số 16/2021/TT-NHNN ngày 10/11/2021 quy định việc TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua bán TPDN.

Mục lục

01

NHỮNG CHỈ TIÊU NỔI BẬT TRONG QUÝ 1/2023

02

CHI TIẾT VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2023

03

CẬP NHẬT KINH TẾ VĨ MÔ VÀ NGÀNH NGÂN HÀNG

04

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2023 VÀ CÁC GIẢI PHÁP, SÁNG KIẾN

05

PHỤ LỤC



5 CHỦ ĐIỂM NỀN TẢNG TOÀN HÀNG



KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG NỢ VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG



NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ



TĂNG NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG



QUẢN TRỊ HIỆU QUẢ CÂN ĐỐI VỐN



XÂY DỰNG VÀ TRIỂN KHAI CHIẾN LƯỢC CHUYỂN ĐỔI SỐ

4 CHỦ ĐIỂM TRỌNG TÂM NĂM 2023



Tăng trưởng Casa: với mục tiêu cải thiện chi phí vốn, giảm bớt áp lực NIM.



Tăng trưởng thu ngoài lãi: trong đó chú trọng thúc đẩy hoạt động TTTM & thanh toán quốc tế, bảo lãnh, bảo hiểm và thẻ.



Tập trung khai thác hệ sinh thái và bán chéo: thông qua đẩy mạnh khai thác tệp chi lương và phục vụ hệ sinh thái khách hàng và chuỗi.



Tiếp tục thu hồi nợ xử lý rủi ro và kiện toàn mô hình xử lý nợ.

VietinBank – 35 năm Khát vọng tầm cao mới



Kế hoạch kinh doanh năm 2023



TỔNG TÀI SẢN

Tăng 5 – 10%

01



DƯ NỢ TÍN DỤNG

(Theo phê duyệt của NHNN)

02



NGUỒN VỐN

(Tăng trưởng phù hợp với tốc độ tăng trưởng tín dụng)

03



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

(Theo phê duyệt của Cơ quan Nhà nước)

04



TỶ LỆ NỢ XẤU

< 1,8%

05



CHI TRẢ CỔ TỨC

(Theo phê duyệt của Cơ quan Nhà nước)

06

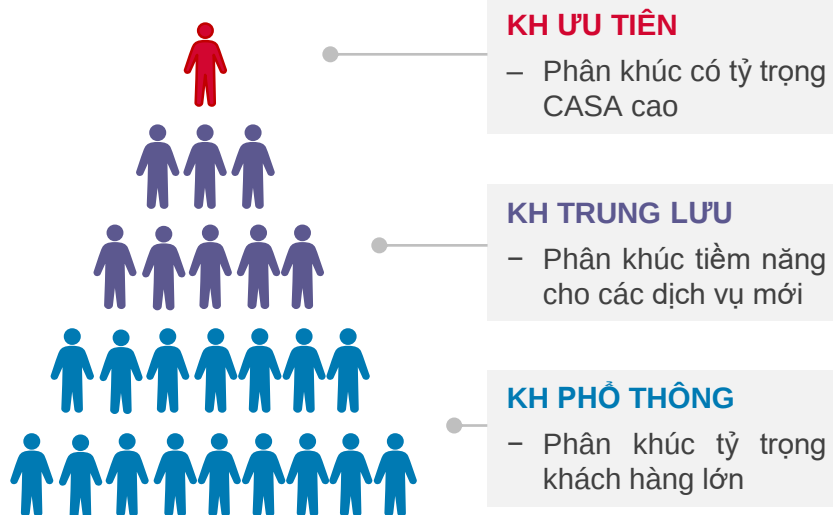
Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam



Nâng giá trị cuộc sống



TRIỂN KHAI CÁC PHÂN KHÚC KHÁCH HÀNG BÁN LẺ



CÁC MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG PHÂN KHÚC KHÁCH HÀNG BÁN LẺ



NÂNG CAO HIỆU QUẢ DANH MỤC TÍN DỤNG BÁN LẺ

Tập trung nguồn lực tăng trưởng dư nợ bán lẻ để nâng tỷ trọng bán lẻ trên tổng dư nợ (lên 40% bình quân); Tái cấu trúc danh mục vào các sản phẩm hiệu quả NIM cao; Cải thiện cơ cấu dư nợ bán lẻ, tiệm cận với cơ cấu dư nợ của các ngân hàng cạnh tranh...



TĂNG TRƯỞNG CASA VÀ HUY ĐỘNG VỐN

Đẩy mạnh tăng trưởng CASA; phát huy tối đa lợi thế về mạng lưới giao dịch, nâng cao các biện pháp giữ chân và thu hút KHƯT mới, tăng cường truyền thông việc nhận diện thương hiệu VietinBank trên địa bàn để khai thác và phát triển nguồn huy động vốn có kỳ hạn...



TĂNG THU NGOÀI LÃI VÀ TỐI ƯU HÓA CHI PHÍ

Đẩy mạnh hoạt động thẻ và bảo hiểm để mang lại nguồn thu phí trọng yếu trong năm 2023 và các năm tiếp theo; tích cực đẩy mạnh, triển khai các đầu phí mới; tăng cường khai thác các SPDV mới dành cho khách hàng bán lẻ...



PHÁT TRIỂN KHÁCH HÀNG MỚI THÔNG QUA HỆ SINH THÁI KHDN VÀ HỆ SINH THÁI SỐ

Đẩy mạnh hoạt động từ hệ sinh thái fintech; tăng cường bán chéo; đóng gói các SPDV đến các chuỗi phân phối cuối; phát triển mạng lưới đối tác thông qua eKYC, hệ sinh thái trên iPay, eFast...

4 ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC



Chuyển đổi số để nâng cao trải nghiệm của khách hàng, đưa khách hàng là trọng tâm để phát triển các giải pháp tài chính toàn diện cho khách hàng.



Chuyển đổi số để nâng cao hiệu quả nội bộ của ngân hàng.



Đặt dữ liệu là tài sản của ngân hàng, khai thác, làm giàu để nâng cao năng lực quản trị, kinh doanh.



Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ mới vào hoạt động, thử nghiệm với những công nghệ mang tính đột phá, giúp tiết kiệm tài nguyên, chi phí và tăng cường hiệu quả khai thác.



Tiếp tục triển khai mạnh mẽ chuyển đổi số nhằm cung cấp SPDV tiện ích và vượt trội cho khách hàng



5 TRỤ CỘT TRIỂN KHAI

- 01 **Xây dựng kênh phân phối hiện đại**, tiện dụng, đồng bộ, hướng đến khách hàng.
- 02 Kết nối đối tác, xây dựng hệ sinh thái **lấy khách hàng là trọng tâm**.
- 03 **Tinh gọn quy trình nghiệp vụ, tăng năng suất lao động**.
- 04 **Ứng dụng Bigdata, AI, học máy vào phân tích dữ liệu**.
- 05 **Nghiên cứu và triển khai công nghệ mới như công nghệ đám mây, tăng cường bảo mật an toàn thông tin**.

CÁC GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ SỐ TIÊU BIỂU

GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ ROBOTICS

Đưa các robot phần mềm vào thực hiện các công việc tác nghiệp thay cho con người.

GIẢI PHÁP CHATBOT

Giải pháp công nghệ ứng dụng công nghệ học máy (machine learning) và trí tuệ nhân tạo để tương tác với con người.

GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ OPEN API

Dễ dàng kết nối với các đối tác, giúp VietinBank xây dựng và mở rộng hệ sinh thái.

XẾP HÀNG THÔNG MINH

Công nghệ nhận diện sinh trắc học, rút ngắn thời gian giao dịch phục vụ khách hàng tại quầy từ 30 - 40%.

GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ ĐIỆN TOÁN Đám MÂY

Tối ưu tài nguyên hạ tầng, linh hoạt trong sử dụng và vận hành hệ thống.



VietinBank tiếp tục mở rộng phạm vi ứng dụng công nghệ mới, đột phá trong hành trình chuyển đổi số

Mục lục

01

NHỮNG CHỈ TIÊU NỔI BẬT TRONG QUÝ 1/2023

02

CHI TIẾT VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2023

03

CẬP NHẬT KINH TẾ VĨ MÔ VÀ NGÀNH NGÂN HÀNG

04

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2023 VÀ CÁC GIẢI PHÁP, SÁNG KIẾN

05

PHỤ LỤC

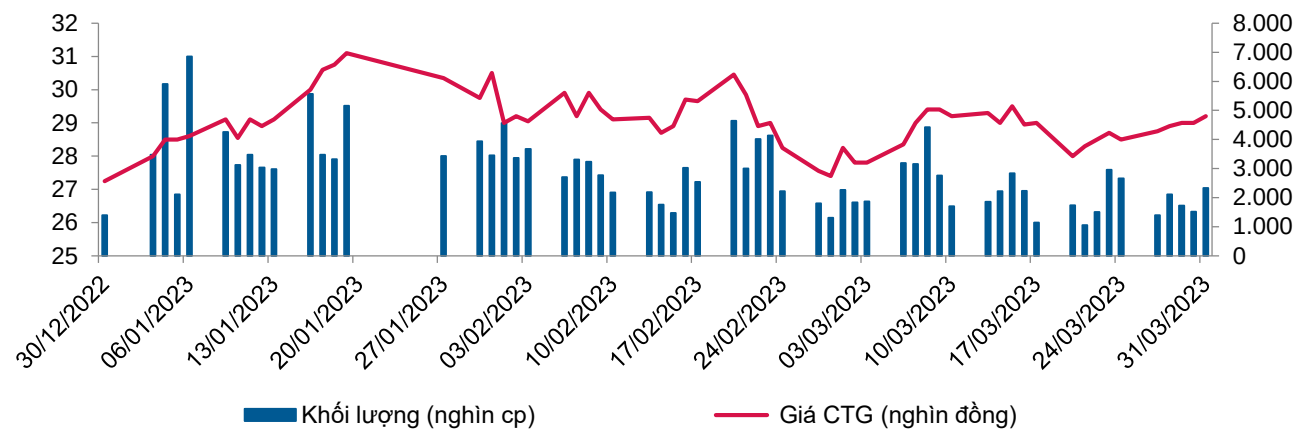
CHỈ TIÊU	GIÁ TRỊ
Giá phiên giao dịch đầu năm 2023 (03/01/2023)	28.000 đồng/cp
Giá phiên giao dịch cuối 1Q2023 (31/03/2023)	29.200 đồng/cp
Biến động giá trong 1Q2023	27.400 – 31.100 đồng/cp
Khối lượng giao dịch trong 1Q2023	171.860.591 cp
Giá trị giao dịch trong 1Q2023	4.789 tỷ đồng
Khối lượng giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài trong 1Q2023	Mua ròng 6.248.103 cp
Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài (31/03/2023)	28,08%
EPS (31/03/2023)	1.000 đồng/cp
P/E (31/03/2023)	29,2x
BVPS (31/03/2023)	23.344 đồng/cp
P/B (31/03/2023)	1,25x



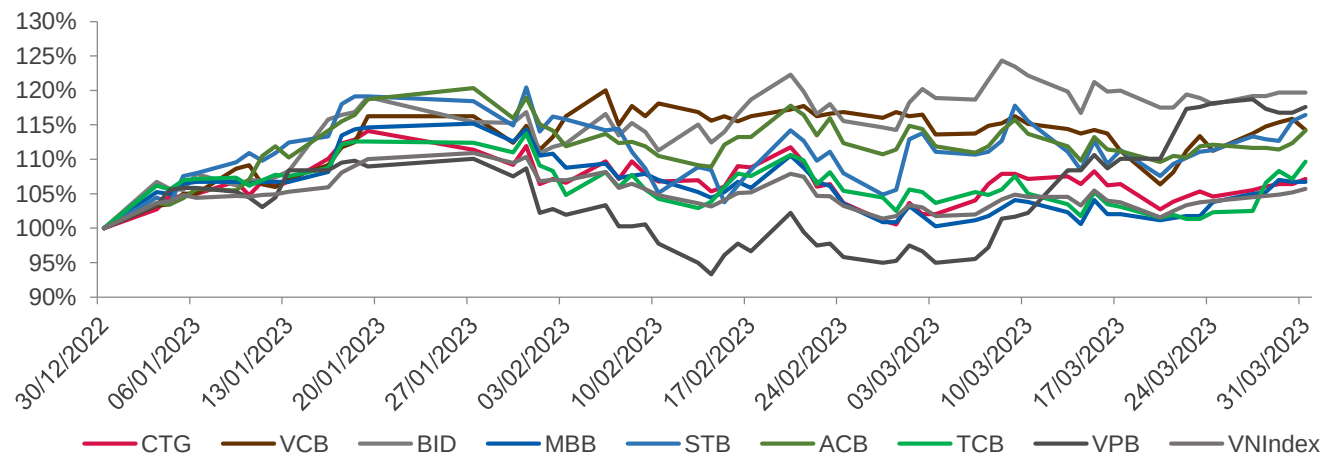
Diễn biến giao dịch cổ phiếu CTG



DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CTG



TĂNG TRƯỞNG CỦA VN-INDEX VÀ CÁC CỔ PHIẾU NGÂN HÀNG



Bảng cân đối kế toán

Đơn vị: Tỷ đồng



Chỉ tiêu	2020	2021	2022	1Q2022	1Q2023	1Q2023 vs. 2022	1Q2023 vs. 1Q2022
TÀI SẢN							
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	9.930	11.331	11.067	9.732	10.510	-5,0%	8,0%
Tiền gửi tại NHNN	57.617	23.383	29.727	19.946	22.480	-24,4%	12,7%
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	102.533	149.317	242.432	177.089	207.791	-14,3%	17,3%
Chứng khoán kinh doanh	5.602	2.475	1.406	4.169	1.146	-18,5%	-72,5%
Công cụ TC phái sinh và các tài sản tài chính khác	137	1.455	3.059	3.329	2.157	-29,5%	-35,2%
Cho vay khách hàng	1.015.333	1.130.668	1.274.822	1.229.579	1.333.109	4,6%	8,4%
DPRR cho vay khách hàng	(12.582)	(25.795)	(29.764)	(30.222)	(29.470)	-1,0%	-2,5%
Chứng khoán đầu tư	114.942	177.545	180.313	182.530	200.465	11,2%	9,8%
Góp vốn, đầu tư dài hạn	3.336	3.290	3.519	3.410	3.547	0,8%	4,0%
Tài sản cố định	10.825	10.496	10.202	10.274	10.057	-1,4%	-2,1%
Tài sản có khác	33.838	47.423	81.646	53.893	62.170	-23,9%	15,4%
Tổng tài sản có	1.341.510	1.531.587	1.808.430	1.663.730	1.823.962	0,9%	9,6%
NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU							
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	44.597	33.294	104.779	51.245	100.059	-4,5%	95,3%
Tiền gửi và vay các TCTD khác	128.519	138.834	209.430	194.898	177.279	-15,4%	-9,0%
Tiền gửi của khách hàng	990.331	1.161.848	1.249.176	1.212.678	1.272.350	1,9%	4,9%
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	2.733	2.528	2.392	2.457	2.319	-3,1%	-5,6%
Phát hành giấy tờ có giá	59.876	64.497	91.370	67.897	111.592	22,1%	64,4%
Các khoản nợ khác	30.014	36.937	43.114	36.259	47.418	10,0%	30,8%
Tổng nợ phải trả	1.256.071	1.437.938	1.700.262	1.565.434	1.711.017	0,6%	9,3%
Vốn của TCTD	46.725	57.548	57.868	57.548	57.868	0,0%	0,6%
Trong đó: Vốn điều lệ	37.234	48.058	48.058	48.058	48.058	0,0%	0,0%
Quỹ của TCTD	11.606	13.673	16.075	13.672	16.075	0,0%	17,6%
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	482	245	121	226	75	-37,7%	-66,7%
Lợi nhuận chưa phân phối	26.001	21.488	33.364	26.125	38.167	14,4%	46,1%
Vốn chủ sở hữu	85.439	93.650	108.168	98.296	112.945	4,4%	14,9%
Lợi ích của cổ đông thiểu số	600	695	739	725	759	2,6%	4,7%
Tổng nợ phải trả và nguồn vốn	1.341.510	1.531.587	1.808.430	1.663.730	1.823.962	0,9%	9,6%

Bảng kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2020	2021	2022	1Q2022	1Q2023	1Q2023 vs. 1Q2022
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	83.677	84.628	104.651	22.132	32.760	48,0%
<i>Chi phí lãi và các chi phí tương tự</i>	<i>(48.097)</i>	<i>(42.840)</i>	<i>(56.721)</i>	<i>(11.986)</i>	<i>(20.094)</i>	67,6%
Thu nhập lãi thuần	35.580	41.788	47.930	10.146	12.666	24,8%
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	8.359	9.573	11.774	2.299	3.341	45,4%
<i>Chi phí hoạt động dịch vụ</i>	<i>(3.996)</i>	<i>(4.612)</i>	<i>(5.685)</i>	<i>(1.021)</i>	<i>(1.341)</i>	31,4%
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	4.362	4.961	6.089	1.278	2.001	56,5%
Lãi/lỗ thuần từ HĐKD ngoại hối	2.000	1.812	3.570	784	1.173	49,6%
Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	601	496	(90)	56	28	-50,4%
Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	361	224	(36)	(233)	15	-106,4%
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	1.929	3.398	6.605	1.878	1.020	-45,7%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	524	477	512	161	116	-28,3%
Thu nhập ngoài lãi	9.778	11.368	16.691	3.924	4.352	10,9%
Tổng thu nhập	45.357	53.157	64.580	14.070	17.018	21,0%
Chi phí hoạt động	(16.069)	(17.186)	(19.304)	(3.821)	(4.314)	12,9%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí DPRR TD	29.288	35.971	45.277	10.249	12.704	24,0%
Chi phí DPRR tín dụng	(12.168)	(18.382)	(24.163)	(4.427)	(6.724)	51,9%
Tổng lợi nhuận trước thuế	17.120	17.589	21.113	5.822	5.980	2,7%
Chi phí thuế TNDN	(3.335)	(3.374)	(4.141)	(1.125)	(1.149)	2,2%
Lợi nhuận sau thuế	13.785	14.215	16.972	4.698	4.831	2,8%
Lợi ích của cổ đông thiểu số	(65)	(127)	(64)	(34)	(25)	-27,0%
Lợi nhuận thuần sau thuế của chủ sở hữu	13.720	14.089	16.908	4.664	4.806	3,1%



Chỉ số tài chính	Công thức tính
Tỷ lệ nợ xấu	Nợ xấu / Dư nợ cho vay khách hàng
Tỷ lệ bao phủ nợ xấu	DPRR cho vay khách hàng / Nợ xấu
Tài sản thanh khoản cao	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý + Tiền gửi tại NHNN + Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác + TPCP
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	Tài sản thanh khoản cao / Tổng nợ phải trả
ROA	Lợi nhuận trước thuế / Tổng tài sản bình quân
ROE	Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu bình quân
NIM	Thu nhập lãi thuần / Tài sản sinh lời bình quân
COF	Chi phí lãi / Công nợ lãi phải trả bình quân
CIR	Chi phí hoạt động / Tổng thu nhập hoạt động

» Tìm hiểu về VietinBank qua các ấn phẩm khác

(Click tại các tiêu đề/ ảnh minh họa dưới đây để truy nhập link ▼)

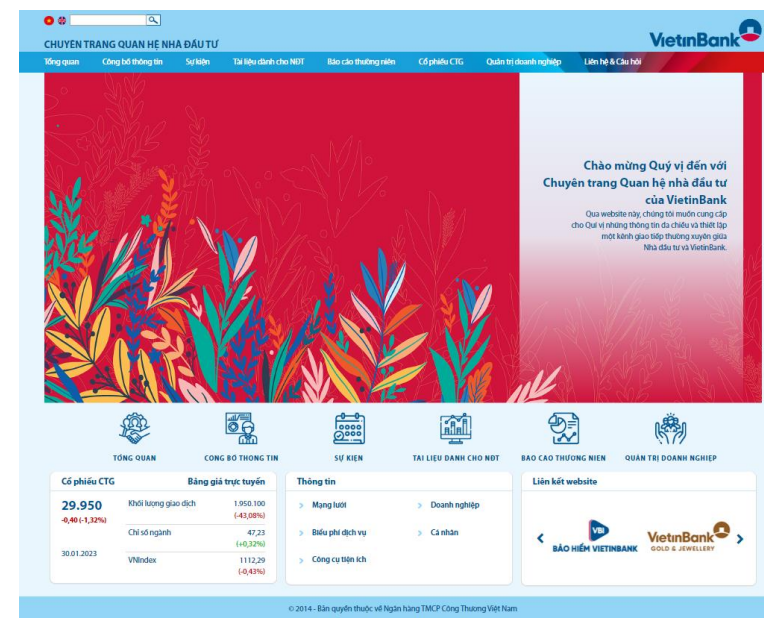
ĐIỂM TIN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Định kỳ hàng quý



CÁC THÔNG TIN ĐƯỢC CẬP NHẬT TẠI WEBSITE

www.investor.vietinbank.vn



Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư -
Ban Thư ký HĐQT&QHCD - Văn phòng HĐQT



Số 108 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội



0243 9413622



investor@vietinbank.vn

TUYÊN BỐ TRÁCH NHIỆM:

Bài trình bày này sử dụng báo cáo tài chính và các nguồn tin đáng tin cậy khác, tuy nhiên chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. Người đọc chỉ nên sử dụng bài trình bày này như một nguồn thông tin tham khảo. Những thông tin trong bài trình bày có thể được cập nhật theo thời gian và chúng tôi không có trách nhiệm thông báo về những sự thay đổi này.

Trân trọng cảm ơn!